

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2024/HS-ST**

Ngày: 06 - 8 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Chiến

2. Ông Thái Tăng Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 16/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 23/7/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 25/7/1987 tại Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố H, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: nhân viên bán hàng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957, có chồng Ngô Khánh T1, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: ngày 26/4/2023, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (Quyết định số 45/QĐ - VPHC). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH C; địa chỉ: số G đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; đại diện theo pháp luật: ông Châu Trường P1 – Giám đốc, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Hồ Thị Ánh S1, sinh năm 1997; địa chỉ: khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Tôn Nữ Huỳnh L1, sinh năm 1970; địa chỉ: khóm B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Tạ Thị Ý, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1965; địa chỉ: khóm B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2023, Công ty TNHH C, địa chỉ số G đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ký Quyết định số 01/CPT-QĐ tiếp nhận Nguyễn Thị Thanh L vào làm việc tại công ty, có địa điểm kinh doanh tại Kho vật liệu xây dựng Công ty TNHH C tại đường I, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; ngày 01/8/2023 ký Quyết định số 02/CPT-QĐ về việc thêm thời gian thử việc và đến ngày 01/10/2023 ký Hợp đồng lao động số 04/2023/HĐLĐ/CPT. Trong thời gian thử việc và làm việc chính thức tại công ty, L được giao nhiệm vụ là nhân viên thị trường, kiêm thu hồi công nợ, cụ thể: Liên hệ với các cửa hàng vật liệu xây dựng địa bàn huyện Đ và huyện G để tìm kiếm đơn đặt hàng vật liệu xây dựng, chốt đơn hàng với cửa hàng sau đó báo đơn hàng đã đặt để Kho vật liệu xây dựng tại C xuất và bàn giao đơn hàng đến các cửa hàng vật liệu xây dựng. Khi các cửa hàng vật liệu xây dựng nhận được vật liệu xây dựng theo đơn đặt hàng, L có trách nhiệm thu tiền hàng, nộp về Kho vật liệu xây dựng qua T4 chi nhánh anh Nguyễn Tiến L2, sinh năm 1985, trú tại Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị hoặc kế toán chị Hồ Thị Ánh S1, sinh năm 1997, trú tại Khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị vào thời gian trong ngày hoặc ngày hôm sau.

Trong thời gian làm việc tại công ty, L không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, nhiều lần đến các cửa hàng vật liệu xây dựng thu hồi tiền công nợ cho công ty nhưng chỉ báo và nộp lại một phần, số tiền còn lại chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân như trả nợ vay, tiêu xài, chơi Game. Để tránh bị phát hiện, L đã giả chữ ký của các chủ cửa hàng vật liệu xây dựng tại các báo cáo công nợ để thực hiện việc đối chiếu công nợ hàng tháng với công ty, qua đó nhiều lần chiếm đoạt tiền của công ty. Quá trình điều tra, đã xác định được từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, L đã chiếm đoạt tiền thu hồi công nợ của Công ty TNHH C với tổng số tiền 325.260.000 đồng, cụ thể:

- Tại Cửa hàng vật liệu xây dựng T của bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1965, địa chỉ: Khóm B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, bị cáo đã thu tổng số tiền: 126.470.000 đồng, tổng số tiền nộp lại: 32.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 09/9/2023 và 23/9/2023 L tự chiết khấu và thưởng cho cửa hàng số tiền 1.330.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt 95.800.000 đồng.

- Tại Cửa hàng vật liệu xây dựng P của bà Tôn Nữ Huỳnh L1, sinh năm: 1970, địa chỉ: Khóm B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, bị cáo đã thu tổng

cộng: 280.360.000 đồng, tổng số tiền nộp lại: 104.500.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt: 175.860.000 đồng.

- Tại Cửa hàng vật liệu xây dựng Thắng Ý của bà Tạ Thị Ý, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, bị cáo đã thu tổng cộng: 62.000.000 đồng, tổng số tiền nộp lại: 45.500.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt: 16.500.000 đồng.

- Tại Cửa hàng vật liệu xây dựng M của bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1958, địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, tổng số tiền bị cáo đã thu: 40.375.000 đồng, tổng số tiền nộp lại: 23.375.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt 17.000.000 đồng.

- Tại Cửa hàng vật liệu xây dựng Q, của ông Lê Hồng Q, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị, tổng số tiền bị cáo đã thu: 81.000.000 đồng, tổng số tiền nộp lại: 66.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt: 15.000.000 đồng.

- Tại Cửa hàng vật liệu xây dựng S, của ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1979, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, tổng số tiền bị cáo đã thu: 23.100.000 đồng, tổng số tiền nộp lại: 18.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt: 5.100.000 đồng.

Cửa hàng V và Sáng L3 giao tiền công nợ cho L nhưng không ký vào sổ công nợ nên cửa hàng vật liệu xây dựng Q đã thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền công nợ mà L đã chiếm đoạt là 15.000.000 đồng; cửa hàng S2 thanh toán số tiền 5.100.000 đồng. Cửa hàng V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng; cửa hàng S2 yêu cầu bồi thường số tiền 5.100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 29/CT - VKSCL ngày 16/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh L về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh L phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ: 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/02/2024.

- Về vật chứng và tài sản thu giữ: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone 6s Plus, màu xám, số Imei: 358607073366767; máy đã bị hỏng. Bị cáo sử dụng điện thoại này để nhận tiền hàng của các cửa hàng chuyển vào tài khoản của bị cáo do đó là vật chứng dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên điện thoại đã bị hỏng nên đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Về bồi thường thiệt hại: C1 yêu cầu bị cáo trả lại cho công ty số tiền đã chiếm đoạt 305.160.000 đồng. L đã bồi thường 3.000.000 đồng, cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 302.160.000 đồng; buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lê Hồng Q (cửa hàng V) số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường

cho ông Nguyễn Văn S (cửa hàng S2) số tiền 5.100.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường: 322.260.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, hiện rất khó khăn, ly hôn chồng, đang nuôi 02 con nhỏ sau khi ly hôn, bị cáo và bố mẹ bị cáo hiện đã bán nhà cửa, không có nơi ở, bố mẹ bị cáo phải nuôi người anh tàn tật và 02 con của bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: lời khai của bị cáo tại phiên tòa đúng với diễn biến sự việc. Bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền: 302.160.000 đồng; do hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn nên bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình điều tra, truy tố các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận, trong khoảng thời gian từ 7/2023 đến tháng 10/2023, tại Công ty TNHH C, địa điểm đường I, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Nguyễn Thị Thanh L là nhân viên thị trường, kiêm thu hồi công nợ của công ty, đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao nhận tiền công nợ của Cửa hàng vật liệu xây dựng T của bà Nguyễn Thị T3, Cửa hàng vật liệu xây dựng P của bà Tôn Nữ Huỳnh L1, Cửa hàng vật liệu xây dựng Thắng Ý của bà Tạ Thị Ý, Cửa hàng vật liệu xây dựng M của bà Nguyễn Thị T2, Cửa hàng vật liệu xây dựng Q của ông Lê Hồng Q, Cửa hàng vật liệu xây dựng Sáng Lợi của ông Nguyễn Văn S nhưng không nộp lại cho công ty mà chiếm đoạt sử dụng vào việc cá nhân và chơi game, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty TNHH C là 325.260.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có căn cứ khẳng định bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của công ty, cấu thành tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp định khung tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” và “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Điều luật có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác nên cần xử lý nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại (tuy số tiền

bồi thường nhỏ nhưng bị cáo không còn khả năng để bồi thường thêm), bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố mẹ bị cáo là đảng viên, cán bộ hưu trí có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen. Ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo đã ly hôn, hiện đang nuôi dưỡng 02 con nhỏ dưới 18 tuổi, không có nhà ở phải sống cùng với bố mẹ bị cáo, bố mẹ bị cáo phải nuôi dưỡng 01 anh trai mắc bệnh hiểm nghèo, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và mức hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có 02 tình tiết định khung tăng nặng do đó phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn nên có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: C1 yêu cầu bị cáo trả lại cho công ty số tiền đã chiếm đoạt 305.160.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 3.000.000 đồng, cần áp dụng các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 302.160.000 đồng; buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lê Hồng Q (cửa hàng V) số tiền 15.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn S (cửa hàng S2) số tiền 5.100.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường: 322.260.000 đồng.

[6] Về vật chứng và tài sản thu giữ: quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone 6s Plus, màu xám, số Imei: 358607073366767, máy đã bị hỏng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo sử dụng điện thoại này để nhận tiền hàng của các cửa hàng chuyển vào tài khoản của bị cáo nên xác định là vật chứng dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên điện thoại đã bị hư hỏng nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 16.113.000 đồng (322.260.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh L phạm tội: “Tham ô tài sản”,
2. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Thị Thanh L: **05 (Năm) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/02/2024.
3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh L bồi thường cho Công ty

TNHH C số tiền: 302.160.000 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); bồi thường cho ông Lê Hồng Q (cửa hàng V) số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); bồi thường cho ông Nguyễn Văn S (cửa hàng S2) số tiền 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone 6s Plus, màu xám, số Imei: 358607073366767; máy đã bị hỏng (vật chứng có tại Chi cục THADS huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2024).

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 16.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; NgườiQLNVLQ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý